TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/DS-ST
Ngày: 28/3/2025
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Cẩm Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải;

2. Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, hợp đồng bảo lãnh", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Kim L, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số nhà 14, đường TM, Tổ 3, Khóm MT, Phường MP, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trương Đình D, sinh năm 1977;

Chị Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số 64/25, đường 30/4, Tổ 12, Khóm M, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Thúy L1, sinh năm 1981.

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Khóm 1, Phường MM (nay là phường MN), thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: nhà thuê của ông NT , Tổ 5, ấp TH, xã TTT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Đặng Kim L có mặt, anh Trương Đình D, chị Trần Thị Thanh Th, chị Trần Thị Thúy L1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Đặng Kim L trình bày:

Qua sự giới thiệu của chị Trần Thị Thúy L1, bà L cho anh Trương Đình D và vợ là Trần Thị Thanh Th vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Hợp đồng vay ngày 05/3/2024, việc thỏa thuận lãi suất không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 2.000đ/1.000.000đ/ngày, khi nào trả gốc thì đóng lãi đủ, thời hạn vay là 10 ngày, mục đích vay đáo hạn ngân hàng. Đến ngày 11/03/2024, anh D, chị Th trả lại vốn gốc 300.000.000 đồng và trả lãi 07 ngày: 600.000/ngày x 7 ngày = 4.200.000đồng, nhưng bà L chỉ lấy 4.000.000 đồng.

Ngày 12/3/2024, anh D, chị Th hỏi vay lại của bà L số tiền 300.000.000 đồng, các bên thống nhất không làm hợp đồng mới mà sửa lại hợp đồng vay của ngày 05/03/2024 thành ngày 12/3/2024. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 12/3/2024, mục đích sử dụng tiền vay để đáo hạn ngân hàng, anh D, chị Th thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Hợp đồng này chị Trần Thị Thúy L1 là người cam kết bảo lãnh chịu trách nhiệm trả thay số tiền vay cho bà L nếu anh D, chị Th không trả.

Ngày 20/3/2024, anh D, chị Th vay thêm của bà L số tiền 50.000.000 đồng, hẹn 05 ngày trả lại, biên nhận nợ bà L1 không ký tên bảo lãnh, lãi suất các bên thỏa thuận là 2%/tháng, khi nào trả gốc thì đóng tiền lãi đủ, việc thỏa thuận lãi suất không lập thành văn bản.

Cộng hai lần, anh D và chị Th vay của bà L tổng số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Mặc dù, bà L đã nhiều lần nhắc nhở đòi nợ nhưng anh D, chị Th hẹn ngày này qua ngày khác, cố tình không trả.

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu anh Trương Đình D, bà Trần Thị Thanh Th và chị Trần Thị Thúy L1 liên đới trả cho bà L số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính:

Đối với số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, tạm tính từ ngày 12/03/2024 đến ngày 12/10/2024 là 07 tháng: 300.000.000 x 1% x 07 tháng = 21.000.000 đồng.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, tạm tính từ ngày 20/3/2024 đến ngày 12/10/2024 là 06 tháng 22 ngày: 50.000.000 x 1% x 06 tháng 22 ngày, tính tròn = 3.366.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi: 374.366.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)

Yêu cầu tính lãi suất phát sinh đối với số tiền vốn gốc 350.000.000 đồng từ ngày 13/10/2024 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện, với lãi suất 1% /tháng.

Đối với số tiền lãi bà L đã nhận 4.000.000 đồng, bà L không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đặng Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu anh Trương Đình D và chị Trần Thị Thanh Th liên đới trả cho bà L tổng số tiền vốn vay ngày 12/3/2024 và ngày 20/3/2024 là 350.000.000 đồng, yêu cầu anh D và chị Th liên đới trả số tiền lãi phát sinh tính từ ngày vay đến ngày 28/3/2025 với tổng số tiền là 42.000.000 đồng, cụ thể:

Đối với số tiền 300.000.000 đồng: tính lãi từ ngày 12/3/2024 đến ngày 28/3/2025 làm tròn 12 tháng với lãi suất 1%/tháng, thành tiền là 36.000.000 đồng;

Đối với số tiền 50.000.000 đồng: tính lãi từ ngày 20/3/2024 đến ngày 28/3/2025 làm tròn 12 tháng với lãi suất 1%/tháng, thành tiền là 6.000.000 đồng.

Bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chị L1 liên đới cùng anh D, chị Th trả tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh.

Tại biên bản làm việc với đương sự ngày 10/02/2025, bị đơn anh Trương Đình D trình bày: Qua lời giới thiệu của chị Trần Thị Thúy L1 thì vào ngày 05/3/2024, anh Trương Đình D cùng với vợ là chị Trần Thị Thanh Th có vay tiền của bà Đặng Kim L số tiền 300.000.000 đồng, anh D không nhớ rõ thỏa thuận lãi suất là bao nhiêu, hạn trả là ngày 14/3/2024, hợp đồng cho vay tiền do nguyên đơn cung cấp là do chị Trần Thị Thúy L1 viết, anh D và chị Th ký tên và viết họ tên vào hợp đồng. Chị L1 có ký tên làm chứng và cam kết chịu trách nhiệm đối với số tiền vay nếu vợ chồng anh D không trả tiền. Chưa đến hạn thì vợ chồng anh D đã trả tiền lại đủ tiền vay và tiền lãi cho bà L.

Ngày 12/3/2024, vợ chồng anh D vay lại của bà Đặng Kim L số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay để đóng tiền lãi Ngân hàng, thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 12/3/2024 được ghi vào trang cuối của hợp đồng vay, anh D không nhớ lúc đó thỏa thuận tiền lãi là bao nhiêu, các bên thống nhất không viết lại biên nhận mới mà sửa lại biên nhận ngày 05/3/2024 để làm biên nhận lần vay ngày 12/3/2024, chị L1 là người sửa ngày 05 thành ngày 12, chị L1 thống nhất nội dung người làm chứng và cam kết chịu trách nhiệm đối với số tiền vay trong trường hợp vợ chồng anh D không trả tiền. Bà L đã giao đủ cho vợ chồng anh D số tiền 300.000.000 đồng.

Ngày 20/3/2024, vợ chồng anh D vay thêm của bà L số tiền 50.000.000 đồng để đóng tiền Ngân hàng, thời hạn vay là 05 ngày, anh D có viết biên nhận, anh D và chị Th có ký tên và viết họ tên vào biên nhận. Anh D xác nhận chữ ký tên và chữ viết họ tên trong biên nhận đề ngày 20/3/2024 do bà L cung cấp là của vợ chồng anh D. Hiện nay vợ chồng anh D còn nợ bà L tổng số tiền vốn vay là 350.000.000 đồng của lần vay ngày 12/3/2024 và lần vay ngày 20/3/2024. Anh D đồng ý trả tiền lãi của khoản vay theo lãi suất 1%/tháng từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án theo yêu cầu của bà Đặng Kim L, đồng ý trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Anh D xác định khoản vay ngày 12/3/2024 với khoản vay ngày 20/3/2024 là nợ của vợ chồng anh D, không liên quan với chị Trần Thị Thúy L1. Việc chị L1 bảo đảm khoản vay là do lúc đó vợ chồng anh D không quen biết bà L nên chị L1 đứng ra đảm bảo để anh D vay tiền bà L nhưng thực tế đây là tiền nợ của vợ chồng anh D thì vợ chồng anh D có trách nhiệm trả, anh D không đồng ý yêu cầu

của bà L về việc buộc chị L1 liên đới trả số tiền vốn vay và tiền lãi của khoản vay ngày 12/3/2024.

Anh D không nhớ có đóng tiền lãi cho bà L hay không, trường hợp có đóng tiền lãi thì anh D cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã đóng cho bà L.

Tại biên bản làm việc ngày 13/02/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thúy L1 trình bày: Chị L1 không đồng ý liên đới cùng anh D và chị Th trả vay theo yêu cầu của bà L, do chị L1 chỉ ký bảo lãnh cho khoản vay ngày 05/3/2024, không ký bảo lãnh cho khoản vay ngày 12/3/2024.

Đối với bị đơn Trần Thị Thanh Th: Tòa án nhân dân thành phố C đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Th nhưng chị Th không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ the yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu anh D, chị Th, chị L1 liên đới trả số tiền vốn vay là 350.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh do anh D, chị Th là người vay tiền, chị L1 là người bảo lãnh cho khoản vay, ngoài ra nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu nào khác nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, hợp đồng bảo lãnh" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Trương Đình D, Trần Thị Thanh Th có địa chỉ tại Số 64/25, đường 30/4, Tổ 12, Khóm M, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Trương Đình D, chị Trần Thị Thanh Th, chị Trần Thị Thúy L1 nhưng anh D, chị Th, chị L1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với việc bà Đặng Kim L yêu cầu anh Trương Đình D, chị Trần Thị Thanh Th liên đới trả số tiền vốn vay 350.000.000 đồng:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp hợp đồng cho vay tiền đề ngày 12/3/2024 và biên nhận đề ngày 20/3/2024.

Hội đồng xét xử nhận định, bà Đặng Kim L và anh Trương Đình D cùng thừa nhận vào ngày 12/3/2024 anh Trương Đình D cùng vợ là chị Trần Thị Thanh Th có vay của bà Đặng Kim L số tiền 300.000.000 đồng, các bên thống nhất sử dụng hợp đồng cho vay tiền ngày 05/3/2024 để làm hợp đồng cho vay tiền ngày 12/3/2024, thời hạn vay tiền là 03 tháng tính từ ngày 12/3/2024, việc thỏa thuận được ghi nhận vào trang cuối của hợp đồng cho vay tiền, đến ngày 20/3/2024 anh D và chị Th vay thêm của bà L số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 05 ngày, anh D có viết biên nhận. Chữ ký trong hợp đồng cho vay tiền và biên nhận do bà L cung cấp là do anh D, chị Th ký tên và viết họ tên. Anh D xác nhận hiện nay vợ chồng anh còn nợ bà L số tiền vốn vay 350.000.000 đồng, đây là khoản nợ của vợ chồng anh D.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định việc anh D, chị Th vay tiền của bà L là có thật, anh D và chị Th không thực hiện việc trả tiền cho bà L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Bà Đặng Kim L yêu cầu anh Trương Đình D và chị Trần Thị Thanh Th liên đới trả tổng số tiền vốn vay 350.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Kim L, buộc anh Trương Đình D và chị Trần Thị Thanh Th liên đới trả cho bà Đặng Kim L tổng số tiền vốn vay 350.000.000 đồng.

[2.2] Về số tiền lãi: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đặng Kim L yêu cầu anh Trương Đình D và chị Trần Thị Thanh Th liên đới trả tiền lãi phát sinh của khoản vay ngày 12/3/2024 và ngày 20/3/2024 từ ngày vay đến ngày 28/3/2025, làm tròn 12 tháng theo lãi suất 1%/tháng với tổng số tiền là 42.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định, tại biên bản làm việc ngày 10/02/2025, anh Trương Đình D đồng ý trả tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án theo yêu cầu của bà Đặng Kim L, đồng ý trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ; do các đương sự không có tranh chấp về lãi suất, mức lãi suất của bà L yêu cầu cũng phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu của bà Đặng Kim L về việc buộc chị Trần Thị Thúy L1 liên đới cùng anh Trương Đình D, chị Trần Thị Thanh Th trả số tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đặng Kim L xác định bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chị Trần Thị Thúy L1 liên đới cùng anh Trương Đình D, chị Trần Thị Thanh Th trả tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh, bà L không có yêu cầu đối với chị L1.

Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Trần Thị Thúy L1 liên đới cùng anh Trương Đình D, chị Trần Thị Thanh Th trả tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Kim L, chị Trần Thị Thúy L1 không phải chịu án phí. Anh Trương Đình D và chị Trần Thị Thanh Th phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền vốn vay và tiền lãi là 392.000.000 đồng theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 217, Điều 218, Điều 264, Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Kim L về việc yêu cầu chị Trần Thị Thúy L1 liên đới cùng anh Trương Đình D, chị Trần Thị Thanh Th số tiền vốn vay 350.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Kim L về việc yêu cầu anh Trương Đình D và chị Trần Thị Thanh Th liên đới trả cho bà L số tiền vốn vay là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi 42.000.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 392.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi hai triệu đồng).

Buộc anh Trương Đình D và chị Trần Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Kim L số tiền vốn vay là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi 42.000.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 392.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Đình D và chị Trần Thị Thanh Th phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 19.600.000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bà Đặng Kim L không phải chịu án phí, được miễn tạm ứng án phí theo quy định.

Chị Trần Thị Thúy L1 không phải chịu án phí.

Bà L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D, chị Th, chị L1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS TPCL;
- Toà án Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Cẩm Hừng